

Số: /BC-TCKH

Krông Nô, ngày tháng 3 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Chỉ số cải cách tài chính công, PCI, tác động của cải cách hành chính đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2022 và quý I năm 2023; các giải pháp nâng cao chỉ số năm 2023**

Thực hiện Công văn số 435/UBND-VP ngày 15/3/2023 của UBND huyện Krông Nô về việc chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị đánh giá công tác Cải cách hành chính, ISO, PCI, Chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 năm 2022 và quý I/2023, Phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo với những nội dung cụ thể như sau:

#### **I. Chỉ số cải cách tài chính công**

##### **1. Kết quả triển khai, thực hiện giải ngân vốn đầu tư phát triển**

Tổng giá trị xây dựng trên địa bàn huyện quý I năm 2023 ước đạt 260 tỷ đồng, đạt 20% kế hoạch năm 2023 (260 tỷ/1.296 tỷ đồng). Trong 3 tháng đầu năm các hoạt động xây dựng trên địa bàn huyện diễn ra tương đối hạn chế, chủ yếu các công trình đang thi công là các công trình chuyển tiếp từ năm 2022; đối với các dự án khởi công mới từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước hiện nay đang trong thời gian thẩm định và tổ chức lựa chọn nhà thầu; các công trình xây dựng trong dân còn hạn chế do thời điểm mới ra Tết người dân chưa có nhu cầu xây dựng.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư của huyện ước hết quý I là 153.864 triệu đồng, đã giải ngân được 35.135/153.864 triệu đồng đạt 22,7% KH vốn. Trong đó: Nguồn vốn tỉnh quản lý và phân bổ với kế hoạch vốn là 76.010 triệu đồng, giải ngân 20.112/76.010 triệu đồng, đạt 26% KH vốn; Nguồn vốn huyện quản lý và phân bổ là 77.854 triệu đồng; thực hiện giải ngân 15.132/77.854 triệu đồng, đạt 19% KH vốn.

##### **2. Thực hiện cơ chế tự chủ đối với cơ quan nhà nước**

###### **2.1. Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ: 14**

- Cơ quan cấp huyện: 14
- Cấp xã, thị trấn:
  - + Số lượng xã, thị trấn: 12
  - + Số đã giao thực hiện tự chủ: 03

###### **2.2. Về kinh phí**

Tổng kinh phí quản lý hành chính được giao: 70.879 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 27.365 triệu đồng:

+ Số kinh phí thực hiện: 26.851 triệu đồng

+ Số kinh phí tiết kiệm được: 512,8 triệu đồng

- Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ: 43.514 triệu đồng.

Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính: Chấp hành đúng chế độ chính sách theo các quy định hiện hành, chế độ chi tiêu tài chính không vượt mức quy định của Nhà nước và phân bổ kinh phí theo tinh thần tiết kiệm.

### 2.3. Các biện pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Tăng cường công tác lãnh đạo chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí ở từng bộ phận, từng cá nhân theo tinh thần Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi xử lý lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023.

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, biện pháp thực hành việc phòng, chống lãng phí đến từng cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị. Gắn kết công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mối quan hệ với việc thực hiện công việc hàng ngày của mỗi cá nhân. Tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên như: Khoán chi sử dụng điện thoại, lồng ghép các hội nghị triển khai công tác chuyên môn, sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt, sử dụng tài sản, máy móc thiết bị.

### **3. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện:**

3.1. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập

Tổng số đơn vị sự nghiệp: 49 đơn vị, cụ thể:

- Số đơn vị chưa được cấp thẩm quyền giao quyền tự chủ: 01 đơn vị (Trung tâm Chính trị huyện)

- Số đơn vị được giao quyền tự chủ: 48 đơn vị, trong đó:
- + Số đơn vị tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên: Không
- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 01 đơn vị
- + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Không
- + Số đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 47 đơn vị

### 3.2. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp: Thu sự nghiệp chủ yếu từ nguồn thu từ phí, lệ phí theo các quy định hiện hành của nhà nước, nguồn thu thấp không đáng kể. Riêng Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất có nguồn thu từ quản lý công trình XD/CB theo quy định của nhà nước, nguồn thu này đáp ứng chi đối với loại hình đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

#### b) Về nguồn thu, chi thường xuyên

Đối với nguồn thu sự nghiệp theo quy định được trích lại để chi cho hoạt động của đơn vị sự nghiệp thấp không đáng kể nên hầu hết các đơn vị sự nghiệp (ngoài Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất) đều do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

#### c) Phân phối kết quả tài chính

Các đơn vị sự nghiệp phần lớn là sự nghiệp giáo dục, do định mức chi do HĐND tỉnh quy định thấp nên trong năm không có đơn vị nào tiết kiệm được để chi thu nhập tăng thêm, đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện còn lại (ngoài Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất) thì chỉ có TT Văn hóa - Thể thao và truyền thông thực hiện tiết kiệm được để chi thu nhập tăng thêm. Kinh phí tiết kiệm được các đơn vị bố trí chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức vào cuối năm, đồng thời Ban quản lý dự án & Phát triển quỹ đất đã thực hiện trích lập các quỹ.

#### d) Tình hình thu nhập tăng thêm của người lao động:

Đơn vị có thu nhập tăng thêm cao nhất là: 615 triệu đồng (Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất)

### 4. Thực hiện các quy định về quản lý tài sản công:

Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện đã ban hành Công văn số 68/TCKH-NS ngày 16/02/2023 về hướng dẫn xử lý tài sản trong trường hợp chưa ghi sổ sách kế toán và thủ tục thanh lý tài sản; tham mưu UBND huyện ban hành Công văn số 262/UBND-TCKH ngày 22/02/2023 về chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo kiến nghị của Kiểm toán; Công văn số 340/UBND-TCKH ngày 02/3/2023 về tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị đã chấp hành đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản. Các đơn vị thực hiện công khai kế hoạch mua sắm, công khai kết quả mua sắm tài sản và công khai các nội dung khác theo quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC; thực hiện mở sổ theo dõi, quản lý tài sản theo đúng chế độ kế toán và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Đầu năm 2023 các cơ quan, đơn vị đã tiến hành thực hiện việc xây dựng tách riêng Quy chế tài sản công và Quy chế chi tiêu nội bộ.

Tổng hợp, tham mưu UBND huyện bổ sung dự toán chi NSNN cho các cơ quan thực hiện mua sắm tài sản với tổng số tiền: 244.470.000đ (*Tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 09/2/2023 của UBND huyện Krông Nô*). Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện lập thủ tục mua sắm theo đúng trình tự thủ tục, sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả.

## **II. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông trên địa bàn huyện Krông Nô**

Nhằm triển khai thực hiện Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 12/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ nhằm cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, Phòng Tài chính – Kế hoạch đã tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 08/02/2023 Về việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông trên địa bàn huyện Krông Nô năm 2023, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thông thoáng, minh bạch hơn; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp.

Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, các doanh nghiệp trên địa bàn tăng cường công tác nắm bắt thông tin, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp và việc triển khai các dự án đầu tư để chủ động tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp thông qua đối thoại trực tiếp doanh nghiệp. Đồng thời, đề xuất UBND huyện phê bình những đơn vị chậm trễ trong việc trả lời, trả lời không đầy đủ, hoặc không giải quyết triệt để, nhanh chóng các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, nhà đầu tư và công khai để các doanh nghiệp và nhà đầu tư biết.

## **III. Tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức**

Số lượng Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính quý I năm 2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch là 78 hồ sơ, trong đó: Lĩnh vực thành lập và hoạt động của HTX là 01 hồ sơ; Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh là 77 hồ sơ.

100% hồ sơ được giải quyết đúng thời hạn và không có phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

Bắt đầu từ ngày 01/3/2023, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện triển khai thực hiện sáng kiến cải cách hành chính “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” vào thứ 4 hàng tuần, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, phát huy tối đa hiệu quả giải quyết TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; trực tiếp kiểm tra, hướng dẫn người dân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả trong ngày làm việc.

#### **IV. Chỉ tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội năm 2022 và quý I/2023**

##### **1. Các chỉ tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội năm 2022**

(1) Giá trị sản xuất (Theo giá hiện hành) đạt 11.563 tỷ đồng, đạt 107,3% KH. Trong đó: Nông, lâm nghiệp đạt 5.681 tỷ đồng, đạt 108,6 % KH; Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp - xây dựng đạt 2.727 tỷ đồng, đạt 106,4% KH; Thương mại dịch vụ đạt 3.155 tỷ đồng, đạt 105,7% KH. Cơ cấu kinh tế năm 2022: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 49,13%; Công nghiệp và xây dựng chiếm 23,59%; Thương mại và dịch vụ chiếm 27,28%.

(2) Tổng mức bán buôn, bán lẻ hàng hoá - dịch vụ tiêu dùng đạt 2.995 tỷ đồng, đạt 106% KH.

(3) Chỉ tiêu về nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng đạt 62.501 ha, đạt 100,4% KH;

(4) Thu nhập bình quân đầu người đạt 54,58 triệu đồng/năm, đạt 100,4% KH.

(5) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 202,266/136,2 tỷ đồng, đạt 148,5% KH (so với KH huyện giao).

(6) Chi ngân sách địa phương đạt 517,508 tỷ đồng, đạt 108% KH.

(7) Tổng vốn đầu tư phát triển từ NSNN trên địa bàn 211.021/125,734 triệu đồng đạt 167,83% KH. Trong đó: Nguồn vốn tỉnh quản lý và phân bổ với kế hoạch vốn là 60.830 triệu đồng; Nguồn vốn huyện, xã quản lý và phân bổ là 150.191 triệu đồng.

(8) Phát triển cơ sở hạ tầng: Vận động nhân dân thực hiện bê tông hoá 18,13 km đường giao thông nông thôn đạt 120,9% KH, nhựa hóa 14,5 km đường huyện đạt 241,7% KH.

(9) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 126,5 ha, lũy kế đạt 95,09% diện tích ( 26.889,11ha/28.279ha).

(10) Dân số trung bình năm 2022 là 80.562 người, đạt 96,6% KH; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,08‰ (KH 1,11‰); mức giảm sinh 0,2‰ (KH 0,2‰); tuổi thọ trung bình 72,1 tuổi (đạt KH 72,1 tuổi).

(11) Giáo dục: Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia là 27 trường/46 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 58,69% (KH 58,69%). Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi

đi học mẫu giáo đạt 90% (KH 90%); tỷ lệ học sinh đi học tiểu học đạt 98% (KH 98%); Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn về phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở.

(12) Y tế: Duy trì 100% xã, thị trấn có trạm y tế; Số giường bệnh/vạn dân 14,2 giường, đạt 100% KH; Số bác sỹ/vạn dân 6,3 bác sỹ, đạt 101,6% KH; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ 100% (KH 100%); tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em 90%, đạt 97,8% KH; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống còn 17,3%, đạt 101,2% KH; Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100% (KH 100%); tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%, đạt 100% KH.

(13) Lao động, việc làm: Tỷ lệ lao động qua đào tạo 43% (đạt 100%KH). Số lao động được tạo việc làm trong năm 2000 lao động (đạt 100%KH); Số lao động được tạo việc làm trong năm 390 lao động (đạt 100%KH). Số lao động có việc làm 56,8 nghìn người, đạt 100%KH (56,8 nghìn người); Số hộ vay vốn tạo việc làm 235 hộ (đạt 100%KH).

(14) Văn hoá phát thanh truyền hình: Duy trì 100% xã có đài truyền thanh cơ sở. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa đạt 92% (KH 89%); tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa 93,5% (KH 89%). Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn văn hoá 58% (KH 50%); cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa 90% (KH 95%). Tỷ lệ bon, buôn có nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng đạt 100%; duy trì 100% bon, buôn được phủ sóng truyền hình.

(15) Giảm nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2022 (theo chuẩn mới) còn 4,32%, tương đương với giảm 2,02% so với năm 2021; trong đó: Hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ còn 14,99%.

(16) Tỷ lệ được sử dụng điện: Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện 99,4%, đạt 100% KH; tỷ lệ thôn, buôn, bon có điện lưới quốc gia 100%, đạt 100% KH.

(17) Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh đạt 97,5%, đạt 100%KH.

(18) Chỉ tiêu môi trường: Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom trên 97%, đạt 100%KH. Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom trên 61%, đạt 100%KH.

(19) Chỉ tiêu về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc 160.000/96.880 con đạt 165,2% KH; Tổng đàn gia cầm 550.000/540.000 con đạt 101,9% KH.

(20) Chỉ tiêu phát triển rừng: Vận động phát triển 924,9/900 ha rừng, đạt 102,8%KH; Nâng độ che phủ rừng đạt 35,1%.

(21) Xây dựng NTM: Năm 2022 không có xã nào đạt nông thôn mới (KH có 01 xã nông thôn mới trở lên); Chỉ tiêu nông thôn mới đạt 18/19 chỉ tiêu đạt 84,2% KH.

**2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội quý I năm 2023**

Nhìn chung, trong quý I năm 2023, UBND huyện đã tập trung cao độ, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm, chặt chẽ các quy định của Trung ương, của Tỉnh về phòng, chống dịch, đảm bảo thích ứng linh hoạt, hiệu quả. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tiếp tục diễn ra bình thường và có sự tăng trưởng; kết quả của 1 số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

(1) Giá trị sản xuất (Theo giá hiện hành) đạt 2.883,8 tỷ đồng, đạt 23,7% KH năm.

(2) Tổng mức bán buôn, bán lẻ hàng hoá - dịch vụ tiêu dùng quý I đạt 900 tỷ đồng, đạt 29,3% KH năm.

(3) Chỉ tiêu về nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng thực hiện hết quý I ước đạt 41.801ha/62.026 đạt 67,4% KH năm.

(5) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn trong quý I là đạt 30.513/173.150 tỷ đồng, đạt 17,6% KH.

(5) Chi ngân sách địa phương trong quý I đạt 110.273/578,153 tỷ đồng, đạt 19% KH.

(6) Tổng vốn đầu tư phát triển từ NSNN trên địa bàn 213,864/137,854 tỷ đồng đạt 155,138% KH năm 2023.

## **V. Các nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới**

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tập trung đơn giản hóa các thủ tục liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp và người dân. Tăng cường công tác phối hợp xử lý công việc với các cơ quan có liên quan với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

- Tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ giải quyết thủ tục hành chính để tránh trường hợp cán bộ giải quyết nhưng không hiểu rõ quy định, chưa giải quyết đến kết quả cuối cùng, dẫn đến hiện tượng cùng một vấn đề nhưng cán bộ lại hướng dẫn khác nhau hoặc trả lời qua loa.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp với Phòng Văn hoá Thông tin và Văn phòng HĐND&UBND huyện công khai tình hình Kinh tế - Xã hội và thu, chi ngân sách hàng năm; công khai danh mục kêu gọi đầu tư trên Trang thông tin điện tử của huyện; Hướng dẫn các chủ đầu tư, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện có trách nhiệm công khai các tài liệu về đấu thầu, thông tin mời thầu, tổ chức bán công khai hồ sơ mời thầu, thông báo kết quả đấu thầu trên Trang thông tin điện tử của huyện.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng và đăng ký thương hiệu sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm lợi thế của huyện.

- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho kinh tế phát triển, cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới sáng

tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện Krông Nô phát triển nhanh và bền vững.

Trên đây là báo cáo cáo Chỉ số cải cách tài chính công, PCI, tác động của cải cách hành chính đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2022 và quý I năm 2023; các giải pháp nâng cao chỉ số năm 2023 của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Krông Nô./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện (b/c);
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lãnh đạo phòng;
- Lưu VT, Phương.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thị Thuý Hằng**